

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Nội dung tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

1. Giải pháp cung ứng vật tư, vật liệu, thiết bị và mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật tư vật liệu:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng |
|--|---|
| Kế hoạch cung ứng đối với các vật tư, vật liệu chính: 1) Cừ tràm 2) Đá dăm 1x2 3) Đá cấp phối 0x4 4) Cát các loại 5) Thép xây dựng 6) Xi măng 7) Ống cống | Nhà thầu phải chứng minh các nội dung sau: - Nhà thầu cung cấp bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực): Hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp cho tất cả các loại vật tư vật liệu theo yêu cầu của E-HSMT. Hợp đồng nguyên tắc phải ghi rõ là hợp đồng dành riêng cho gói thầu này không dùng chung cho các dự án hoặc công trình khác của nhà thầu. - Để minh chứng các đơn vị cung ứng kí kết hợp đồng nguyên tắc với nhà thầu là những đơn vị thực sự hoạt động nhà thầu cần cung cấp bản scan tối thiểu 02 hợp đồng buôn bán (có kèm cả hóa đơn VAT) do nhà cung ứng này đã thực hiện thành công đối với khách hàng/đối tác trước đây về việc buôn bán vật tư vật liệu tương ứng trong vòng 01 năm trở lại đây tính đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu kí kết hợp đồng nguyên tắc với đơn vị không thực sự hoạt động chỉ nhằm mục đích hợp thức để trúng thầu sẽ được xem là không đáp ứng khả năng cung ứng. - Nhà thầu cung cấp bản scan: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp của đơn vị cung cấp. |

Đạt

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|------------------|
| | <p>- Nhà thầu có bản cam kết tất cả các loại vật liệu cung cấp trong gói thầu có nguồn gốc hợp pháp.</p> <p>Lưu ý: <i>Trong quá trình đánh giá Chủ đầu tư nhận thấy nguồn cung cấp vật tư cho nhà thầu (hoặc nguồn vật tư do nhà thầu có khả năng tự cung cấp) không mang tính khả thi hoặc không đủ điều kiện kinh doanh, cung cấp thì nhà thầu có trách nhiệm cung cấp tài liệu làm rõ để chứng minh theo yêu cầu của Chủ đầu tư.</i></p> | |
| | Không có đầy đủ các nội dung theo yêu cầu. | Không đạt |
| 1.2. Mức độ đáp ứng yêu cầu chất lượng và tính năng kỹ thuật của vật tư vật liệu. | <p>- Có nêu rõ nguồn cung cấp vật tư vật liệu đảm bảo hợp lý khả thi và đề xuất phương án vận chuyển đến chân công trình.</p> <p>- Vật tư vật liệu nhà thầu sử dụng phải đáp ứng đầy đủ tất cả các yêu cầu về kỹ thuật quy định trong hồ sơ thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình thiết kế, thi công, nghiệm thu hiện hành.</p> <p>- Có biện pháp cung ứng vật tư, vật liệu khi biến động giá hoặc khan hiếm khả thi, phù hợp với giải pháp kỹ thuật, phù hợp với biện pháp tổ chức thi công.</p> | Đạt |
| | Không có đầy đủ các nội dung theo yêu cầu. | Không đạt |
| Kết luận | Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên. | Đạt |
| | Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên. | Không đạt |

2. Giải pháp kỹ thuật, tổ chức thi công:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|------------------|
| <p>2.1. Tổ chức mặt bằng công trường bao gồm yêu cầu các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1) Kho bãi tập kết thiết bị thi công; 2) Kho bãi tập kết vật liệu; 3) Lán trại. 4) Giải pháp cấp điện, nước, thông tin liên lạc. | <p>Có giải pháp kỹ thuật (bao gồm: thuyết minh và bản vẽ tổ chức mặt bằng thi công) theo yêu cầu, hợp lý và phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng.</p> | Đạt |
| | <p>Không có hoặc có giải pháp kỹ thuật nhưng không theo yêu cầu hoặc không hợp lý hoặc không phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng.</p> | Không đạt |
| 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, | <p>Có Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên theo yêu cầu và hợp lý (sơ đồ phải bao gồm đầy đủ</p> | Đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|------------------|
| ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên. | tên tuổi và các chức danh nhân sự bố trí theo yêu cầu của E-HSMT cũng như các nhân sự khác tùy theo thực tế của nhà thầu (nếu có thêm). | |
| | Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đầy đủ các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 2.3. Thi công xây dựng: Công tác thi công định vị, trắc đạc. | <ul style="list-style-type: none"> - Có thuyết minh biện pháp thi công đầy đủ, khả thi, phù hợp với hồ sơ thiết kế (Trong đó có trình bày được các nội dung trắc đạc cao độ, định vị tọa độ đối với các hạng mục xây dựng chính). - Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh cũng như thiết bị sử dụng. | Đạt |
| | Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 2.4. Thi công xây dựng: Công tác thi công phát hoang mặt bằng. | <ul style="list-style-type: none"> - Có thuyết minh biện pháp thi công đầy đủ, khả thi, phù hợp với hồ sơ thiết kế. - Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh. | Đạt |
| | Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 2.5. Thi công xây dựng: Công tác thi công gia cố cừ | <ul style="list-style-type: none"> - Có thuyết minh biện pháp thi công đầy đủ, khả thi, phù hợp với hồ sơ thiết kế. - Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh. | Đạt |
| | Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 2.6. Thi công xây dựng: Công tác thi công đào hạ mặt đê | <ul style="list-style-type: none"> - Có thuyết minh biện pháp thi công đầy đủ, khả thi, phù hợp với hồ sơ thiết kế. - Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh. | Đạt |
| | Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 2.7. Thi công xây dựng: Công tác thi công đắp đê | <ul style="list-style-type: none"> - Có thuyết minh biện pháp thi công đầy đủ, khả thi, phù hợp với hồ sơ thiết kế. - Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh. | Đạt |
| | Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 2.8. Thi công xây dựng: Công tác thi công đào khai thác đất lòng kênh | <ul style="list-style-type: none"> - Có thuyết minh biện pháp thi công đầy đủ, khả thi, phù hợp với hồ sơ thiết kế. - Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh. | Đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|------------------|
| | Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 2.9. Thi công xây dựng: Công tác thi công vận chuyển đất | - Có thuyết minh biện pháp thi công đầy đủ, khả thi, phù hợp với hồ sơ thiết kế. Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh. | Đạt |
| | Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 2.10. Thi công xây dựng: Công tác thi công trải đá cấp phối | - Có thuyết minh biện pháp thi công đầy đủ, khả thi, phù hợp với hồ sơ thiết kế. Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh. | Đạt |
| | Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 2.11. Thi công xây dựng: Công tác thi công lắp đặt công | - Có thuyết minh biện pháp thi công đầy đủ, khả thi, phù hợp với hồ sơ thiết kế. Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh. | Đạt |
| | Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 2.12. Bảo đảm giao thông và an toàn giao thông trong quá trình thi công. | Có đề xuất giải pháp đảm bảo giao thông trong quá trình thi công hợp lý, an toàn và không ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của người dân khu vực xung quanh công trường. | Đạt |
| | Không đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không hợp lý, không an toàn, không phù hợp với tình hình địa điểm thực tế của công trình hoặc không đầy đủ theo yêu cầu. | Không đạt |
| Kết luận | Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên | Đạt |
| | Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên. | Không đạt |

Ghi chú: Biện pháp thi công các công tác xây dựng của nhà thầu chỉ được xem xét khi nhà thầu trình bày đầy đủ trình tự từ các công việc từ đầu vào đến quá trình thi công và cuối cùng là kiểm tra, nghiệm thu. Trường hợp nhà thầu sao chép bản vẽ thiết kế mà không phải là bản vẽ thể hiện biện pháp thi công của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là không nắm được yêu cầu E-HSMT và bản vẽ đó sẽ không được xem xét.

3. Tiến độ thi công:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--------------------------|---|------------------|
| 3.1. Thời gian thi công. | Đề xuất thời gian thi công đáp ứng yêu cầu của E-HSMT và không vượt quá 180 ngày kể từ ngày khởi công. | Đạt |
| | Đề xuất về thời gian thi công không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc vượt quá 180 ngày . | Không đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|------------------|
| 3.2. Biểu đồ tiến độ thi công. | Có biểu đồ tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Đạt |
| | Không có biểu đồ tiến độ thi công hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật hoặc không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Không đạt |
| 3.3. Biểu đồ bố trí công nhân. | Có biểu đồ bố trí công nhân hợp lý, khả thi, phù hợp với tiến độ thi công, đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Đạt |
| | Không có biểu đồ bố trí công nhân hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với tiến độ thi công hoặc đề xuất kỹ thuật hoặc không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Không đạt |
| 3.4. Biểu đồ huy động vật tư, vật liệu. | Có biểu đồ huy động vật tư, vật liệu hợp lý, khả thi, phù hợp với tiến độ thi công, đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Đạt |
| | Không có biểu đồ huy động vật tư, vật liệu hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với tiến độ thi công hoặc đề xuất kỹ thuật hoặc không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Không đạt |
| 3.5. Biểu đồ huy động máy móc, thiết bị. | Có biểu đồ huy động máy móc thiết bị hợp lý, khả thi, phù hợp với tiến độ thi công, đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Đạt |
| | Không có biểu đồ huy động máy móc thiết bị hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với tiến độ thi công hoặc đề xuất kỹ thuật hoặc không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Không đạt |
| Kết luận | Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên | Đạt |
| | Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên. | Không đạt |

4. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|------------------|
| 4.1. Sơ đồ quản lý chất lượng và bộ phận quản lý chất lượng. | - Có sơ đồ quản lý chất lượng rõ ràng, hợp lý. - Có thuyết minh quyền hạn và nghĩa vụ của bộ phận quản lý chất lượng rõ ràng. | Đạt |
| | Không trình bày đầy đủ, không hợp lý hoặc không nêu. | Không đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|------------------|
| <p>4.2. Hệ thống chất lượng kiểm tra thí nghiệm vật tư vật liệu đầu vào tại hiện trường.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Có trình bày kế hoạch tổ chức thực hiện các công tác thí nghiệm, kiểm tra, thử nghiệm, kiểm định vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình phù hợp với biện pháp thi công cũng như hồ sơ thiết kế. - Có phòng thí nghiệm hiện trường được công nhận với bản liệt kê danh mục các phép thử và các thí nghiệm phù hợp với yêu cầu của công trình. <i>(Trường hợp nhà thầu có phòng thí nghiệm được công nhận (LAS-XD) thì phải cung cấp bản sao được chứng thực quyết định công nhận của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực.</i> - Trường hợp nhà thầu ký kết với đơn vị thí nghiệm khác thì phải cung cấp bản sao được chứng thực: Hợp đồng nguyên tắc; Quyết định công nhận LAS-XD còn hiệu lực của đơn vị ký kết) | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu như trên. | Không đạt |
| <p>4.3. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình và phương án quản lý đảm bảo chất lượng vật liệu xây dựng, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng. - Kế hoạch tổ chức thí nghiệm, kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm, chạy thử, quan trắc, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình theo yêu cầu thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật. - Kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận (hạng mục) công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng | <ul style="list-style-type: none"> - Có quy trình và phương án quản lý đảm bảo chất lượng vật liệu xây dựng, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng đầy đủ và hợp lý, khả thi và phù hợp với biện pháp thi công cũng như hồ sơ thiết kế. - Có trình bày Kế hoạch tổ chức thí nghiệm, kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm, chạy thử, quan trắc, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình theo yêu cầu thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật phù hợp với biện pháp thi công cũng như hồ sơ thiết kế. - Có trình bày Kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận (hạng mục) công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng phù hợp với biện pháp thi công cũng như hồ sơ thiết kế. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu như trên. | Không đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|------------------|
| mục công trình, công trình xây dựng | | |
| 4.4. Biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão. | Có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão hợp lý, khả thi phù hợp với giải pháp kỹ thuật cũng như đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | Không có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão hoặc có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với giải pháp kỹ thuật cũng như đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Không đạt |
| 4.5. Đảm bảo an toàn, chất lượng đối với các công trình hiện hữu, công trình lân cận: - Nhà thầu trình bày phương án đảm bảo an toàn, chất lượng đối với các công trình hiện hữu, công trình lân cận. - Nhà thầu có cam kết trong quá trình thi công không làm thay đổi hiện trạng các công trình hiện hữu, các công trình lân cận; không làm ảnh hưởng, thay đổi kết cấu các công trình hạ tầng xung quanh. Trường hợp trong quá trình thi công làm thay đổi hiện trạng hư hỏng các công trình hiện hữu, các công trình lân cận, làm thay đổi kết cấu các công trình hạ tầng xung quanh, gây lún nứt, sụp nhà dân thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm xử lý khắc phục bằng chi phí của nhà thầu. | - Có trình bày trình bày phương án đảm bảo an toàn, chất lượng đối với các công trình hiện hữu, công trình lân cận phù hợp với hiện trạng các công trình hiện hữu, lân cận. - Có cam kết đầy đủ các nội dung theo yêu cầu. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu như trên. | Không đạt |
| Kết luận | Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên. | Đạt |
| | Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên. | Không đạt |

5. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|------------------------------|-----------------------|--|
| 5.1. An toàn lao động | | |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|------------------|
| Biện pháp an toàn lao động bao gồm các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> – Tổ chức thực hiện và kiểm tra an toàn lao động. – Biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho từng công đoạn thi công. – An toàn giao thông ra vào công trường. – Bảo đảm an ninh công trường, quản lý nhân sự, thiết bị. | Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, rõ ràng và đầy đủ các nội dung như yêu cầu. | Đạt |
| | Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không rõ ràng hoặc không đầy đủ các nội dung như yêu cầu. | Không đạt |
| 5.2. Phòng cháy, chữa cháy | | |
| Biện pháp phòng cháy, chữa cháy bao gồm các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> – Quy định, quy phạm tiêu chuẩn. – Các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy, nổ. – Tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ. | Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, rõ ràng và đầy đủ các nội dung như yêu cầu. | Đạt |
| | Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không rõ ràng hoặc không đầy đủ các nội dung như yêu cầu. | Không đạt |
| 5.3. Vệ sinh môi trường | | |
| 5.3.1 Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường bao gồm các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> – Kiểm soát bụi, nhiệt, tiếng ồn, độ rung. – Kiểm soát rò rỉ, rơi vãi, gây ô nhiễm môi trường trong quá trình vận chuyển vật liệu, chất thải. – Kiểm soát nước thải. – Kiểm soát đất, bùn thải. | Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, rõ ràng và đầy đủ các nội dung như yêu cầu. | Đạt |
| | Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không rõ ràng hoặc không đầy đủ các nội dung như yêu cầu. | Không đạt |
| Kết luận | Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên. | Đạt |
| | Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên. | Không đạt |

6. Bảo hành:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|------------------|
| Thời gian bảo hành và chế độ bảo hành. | - Có trình bày cụ thể chế độ và phương án bảo hành của nhà thầu trong trường hợp có yêu cầu bảo hành. - Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng . | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |
| Kết luận | Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên. | Đạt |
| | Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên. | Không đạt |

7. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trước đó.

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|------------------|
| <p><i>Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trước đó trong thời gian 05 năm trở lại đây tính đến thời điểm đóng thầu.</i></p> <p><i>(Nhà thầu gửi kèm bản cam kết, trường hợp cam kết không trung thực sẽ bị đánh giá là gian lận)</i></p> <p><i>Đối với liên danh thì từng thành viên trong liên danh phải đáp ứng yêu cầu này.</i></p> | <p>- Nhà thầu không có hợp đồng chậm tiến độ bị chủ đầu tư xử phạt vi phạm hợp đồng từ hai lần trở lên.</p> <p>- Nhà thầu không có hợp đồng thi công xây dựng bị xử phạt vi phạm về chất lượng.</p> <p>- Nhà thầu không bị Chủ đầu tư ra Quyết định chấm dứt nghĩa vụ thực hiện hợp đồng do nguyên nhân từ phía nhà thầu.</p> <p>- Nhà thầu không vi phạm quy định tại Khoản 1 điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 4/8/2025.</p> <p><i>Ghi chú: Nhà thầu phải đáp ứng tất cả các tiêu chí trên mới được đánh giá là đạt.</i></p> | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| Kết luận | Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên. | Đạt |
| | Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên. | Không đạt |

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSĐT để so sánh, xếp hạng các E-HSĐT

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT (nếu có): Không có.